

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 30- 8-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng.
2. Ông Trần Bình Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn B, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 14/4/2023, bản tự khai ngày 22/5/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn B kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ngày 27/6/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm, đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, đặc biệt là vấn đề làm ăn kinh tế. Anh B không chịu tu chí làm ăn, mà ham chơi,

rượu chè, cờ bạc, không lo lắng cho gia đình, vợ con. Chị đã khuyên can nhưng anh B không thay đổi, thậm chí còn nhiều lần đánh đập chị. Vì thương các con nên chị cố gắng chung sống. Đến năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị xét thấy vợ chồng chị mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Yến N sinh ngày 19/5/2007, cháu Đỗ Thị Phương T sinh ngày 14/02/2013 và cháu Đỗ Thanh A sinh ngày 20/11/2020. Các cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 03 con. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm nghề may, thu thập trung bình 10.000.000đ/tháng, có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đỗ Văn B theo quy định và liên lạc với anh B nhiều lần qua điện thoại. Anh B đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và triệu tập đến Tòa án nhưng anh B không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình và cố tình không đến Tòa án làm việc. Vì vậy không có lời khai của anh B và không tiến hành hòa giải được.

Ngày 01/8/2023, Tòa án đã đến nhà anh B, nhưng không gặp được anh B, do anh B đi làm buổi tối mới về nhà. Tại biên bản xác minh ngày 01/8/2023, bổ đề của anh B là ông Đỗ Văn Tiến trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh B và chị H kết hôn năm 2006. Quá trình chung sống, vợ chồng mâu thuẫn từ khi nào thì ông không biết chính xác, đến năm 2022 thì thấy mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, đặc biệt là vấn đề kinh tế. Khi vợ chồng xảy ra cãi nhau, nóng lên thì anh B có đánh chị H. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Chị H xin ly hôn, gia đình ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Yến N sinh ngày 19/5/2007, cháu Đỗ Thị Phương T sinh ngày 14/02/2013 và cháu Đỗ Thanh A sinh ngày 20/11/2020. Quan điểm của gia đình ông là tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Các cháu đều muốn ở với mẹ, nên gia đình ông đồng ý giao 03 cháu cho chị H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có gì.

Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Văn B đã nhận được các văn bản tố tụng Tòa án gửi và biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nhưng anh B nói với ông là không muốn đến Tòa án làm việc, vì anh B không phải là người làm đơn, anh B đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, đề nghị HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn B. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Yến N sinh ngày 19/5/2007, cháu Đỗ Thị Phương T sinh ngày 14/02/2013 và cháu Đỗ Thanh A sinh ngày 20/11/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Kiến nghị khắc phục vi trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thẩm quyền xét xử: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị H và anh B là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị H và anh B đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2014. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, anh B không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm, lo lắng cho gia đình, nhiều lần đánh đập chị H. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ giữa đầu năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị H xin ly hôn, anh B đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án tham gia hòa giải đoàn tụ, điều đó chứng tỏ anh B không có nguyện vọng đoàn tụ, có thái độ để mặc cho Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh B mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung đã

chấm dứt từ lâu, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh B.

[4] Về con chung:

Chị H và anh B có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Yến N sinh ngày 19/5/2007, cháu Đỗ Thị Phương T sinh ngày 14/02/2013 và cháu Đỗ Thanh A sinh ngày 20/11/2020. Chị H có nguyện vọng nuôi cả 03 con. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng nuôi con của chị H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Chị H có nghề nghiệp, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Cháu N và cháu T đã trên 7 tuổi, đều có nguyện vọng ở với mẹ. Cháu A còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, giao cả 03 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H, nên không buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và công nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 B luật Tổ tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn B.

2. *Về con chung:* Chị H và anh B có 03 con chung. Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là: Cháu Đỗ Thị Yến N sinh ngày 19/5/2007, cháu Đỗ Thị Phương T sinh ngày 14/02/2013 và cháu Đỗ Thanh A sinh ngày 20/11/2020. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn) mà

chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo Biên lai thu số AA/2022/0001404 ngày 21/4/2023. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. *Quyền kháng cáo:* Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã Y, huyện Yên Định;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Dung

